

**CTCP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN – SÔNG HINH (HOSE: VSH)
ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG TỪ THƯỢNG KON TUM**

Khuyến nghị

Giá hiện tại:	27,700	Ngày viết báo cáo:	30/09/2021	Cơ cấu cổ đông
Giá mục tiêu:	35,000	Cổ phiếu lưu hành (Triệu)	236.2	CT TNHH Năng lượng REE 50.5%
Tỷ suất cổ tức	0%	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,543	PGV 26.7%
Tiềm năng tăng giá	26.6%	Thanh khoản TB 10 phiên	53,870	Samarang UCITS 8.6%
		Sở hữu nước ngoài	11.7%	Khác 14.2%

Chuyên viên phân tích:

Phạm Nguyên Long
(Tiện ích, VLXD)

longpn@bsc.com.vn

Chuyên viên phân tích kỹ thuật:

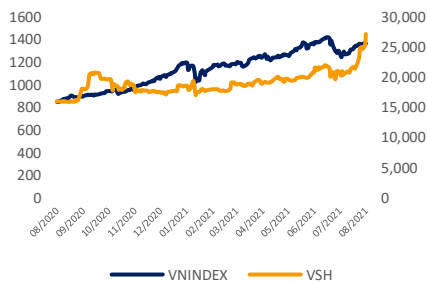
Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

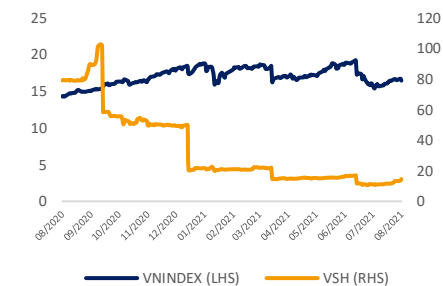
Giá khuyến nghị: VNĐ

Giá cắt lỗ: VNĐ

Bảng so sánh giá CP và VN- Index



Bảng so sánh P/E và VN index



Định giá

- BSC khuyến nghị **MUA** cổ phiếu **VSH** với giá mục tiêu **35,000 VNĐ/CP** cho năm 2022 (**tương đương upside 26.6%** so với giá ngày 30/09/2021) dựa trên phương pháp định giá EV/EBITDA = 9.0x (tương đương tỷ suất trung bình các DN cùng ngành).

Dự báo kết quả kinh doanh

- Năm 2021: BSC dự báo DTT và LNST lần lượt đạt **1,563 tỷ VNĐ (+359% yoy)** và **379 tỷ VNĐ (+101% yoy)**, EPS FW 2021 = **1,603 VNĐ/CP** với giả định: (1) **Sản lượng điện sản xuất năm 2021 có thể đạt 1.75 tỷ kWh (+213% yoy)**, trong đó Thượng Kon Tum đóng góp 870 triệu kWh và (2) Giá bán điện PPA trong năm 2021 của nhà máy Thượng Kon Tum **có thể đạt 914 VNĐ/kWh**.
- Năm 2022: BSC dự báo DTT và LNST lần lượt đạt **1,813 tỷ VNĐ (+16% yoy)** và **420 tỷ VNĐ (+11% yoy)**, tương đương với **EPS = 1,777 VNĐ/CP** dựa trên các giả định sau: (1) **Sản lượng điện sản xuất năm 2022 có thể đạt 1.85 tỷ kWh (+6% yoy)**, trong đó Thượng Kon đóng góp khoảng 1.04 tỷ kWh (+20% yoy) và (2) Đàm phán giá điện của Thượng Kon Tum thành công, giúp **giá bán điện PPA từ năm 2022 có thể đạt 1,097 VNĐ/kWh (+20% yoy)**.

Quan điểm đầu tư

- KQKD của VSH có triển vọng thuận lợi nhờ tình hình thủy văn ổn định đến giữa năm 2022.
- Thủy điện Thượng Kon Tum là nguồn đóng góp rất quan trọng với kết quả kinh doanh của VSH.

Rủi ro đầu tư

- Rủi ro thời tiết gây gián đoạn hoạt động sản xuất của VSH.

Cập nhật doanh nghiệp

- DTT và LNST 1H2021 lần lượt đạt **689 tỷ VNĐ (+656% yoy)** và **237 tỷ VNĐ (gấp 75 lần yoy%)** nhờ (i) tình hình thủy văn thuận lợi giúp sản lượng +323% yoy và (ii) thủy điện Thượng Kon Tum (220 MW) hoạt động từ đầu Q2, tăng lượng công suất hoạt động cho VSH.
- Chi phí tài chính 1H2021 đạt 110 tỷ VNĐ (gấp 39 lần yoy%)** do phát sinh chi phí lãi vay của dự án Thượng Kon Tum khi đi vào hoạt động trong Q2/2021.

	2020	2021E	2022F	VN-Index		2019	2020	2021E	2022F
PE (x)	22.2	12.8	11.5	18.3	Doanh thu	400	341	1,563	1,813
PB (x)	1.2	1.2	1.2	2.5	Lợi nhuận gộp	197	137	820	905
PS (x)	11.9	3.2	2.7	2.0	Lợi nhuận sau thuế	159	188	379	420
ROE (%)	6%	10%	10%	13.7	EPS	673	797	1,603	1,777
ROA (%)	2%	4%	4%	2.2	Tăng trưởng EPS	-48%	18%	101%	11%
EV/ EBITDA (x)	51.3	8.4	6.8	17.3	Nợ/VCSH	200%	214%	171%	153%

TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (HSX: VSH) được thành lập từ năm 1994 với tiền thân là Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn, thuộc Công ty Điện lực III. Doanh nghiệp được cổ phần hóa năm 2005 và bắt đầu niêm yết trên sàn HOSE từ năm 2006. Hiện tại, nguồn thu chính đối với VSH đến từ 3 nhà máy thủy điện (tổng công suất 356 MW) do VSH sở hữu và vận hành, bao gồm: Vĩnh Sơn (66 MW), Sông Hinh (70 MW) và Thượng Kon Tum (220 MW).

Bảng 1: Hệ thống thủy điện do VSH sở hữu

Thủy điện	Năm hoạt động	Hệ thống sông	Công suất	Đầu tư (tỷ VNĐ)	Suất đầu tư (tỷ VNĐ/MW)
Vĩnh Sơn	1994	Sông Bé	66 MW	N/A	N/A
Sông Hinh	2001	Sông Hinh	70 MW	N/A	N/A
Thượng Kon Tum	2021	Đak Lô – Ngok Tem	220 MW	9,429	42.9

Nguồn: VSH, BSC Research

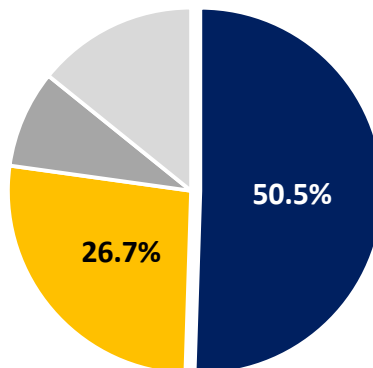
Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của VSH khá cô đặc với 85.8% cổ phần công ty được sở hữu bởi 3 cổ đông lớn, trong đó Công ty TNHH Năng lượng REE, thuộc sở hữu của CTCP Cơ Điện Lạnh (HSX: REE) với tỷ lệ sở hữu 50.5%, EVNGENCO 3 (PGV) sở hữu 26.7% và quỹ ngoại Samarang UCITS sở hữu 8.6%.

Trong tháng 5/2021, **Công ty TNHH Năng lượng REE đã mua thêm 2.2 triệu cổ phiếu VSH**, qua đó nâng tỷ lệ sở hữu từ 49.5% lên 50.5%, qua đó **chính thức hợp nhất VSH làm công ty con kể từ Q2/2021**.

Hình 1: Cơ cấu cổ đông của VSH

■ Công ty TNHH Năng lượng REE ■ PGV ■ Samarang UCITS ■ Khác



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH 1H2021

Bảng 1: Kết quả kinh doanh 1H2021 của VSH

Chỉ tiêu (Tỷ VNĐ)	Q2/2020	Q2/2021	% YoY	1H2020	1H2021	% YoY	Cập nhật KQKD 1H2021
Doanh thu thuần	55	498	809%	91	689	656%	<p>DTT 1H2021 đạt 689 tỷ VNĐ (+656% yoy) nhờ (i) tình hình thủy văn thuận lợi và (ii) thủy điện Thượng Kon Tum (220 MW) hoạt động từ đầu Q2, đóng góp 330 triệu kWh vào sản lượng 1H2021 của VSH.</p> <p>Sản lượng điện thương phẩm 1H2021 đạt mức là 745 triệu kWh (+323% yoy).</p> <p>Biên lợi nhuận gộp trong kỳ đạt 58% nhờ sản lượng 1H2021 tăng mạnh 323% yoy, dẫn đến chi phí khấu hao/mỗi đơn vị sản lượng điện giảm so với 1H2020.</p> <p>Chi phí tài chính 1H2021 đạt 110 tỷ VNĐ (gấp 39 lần yoy) do phát sinh chi phí lãi vay của dự án Thượng Kon Tum khi đi vào hoạt động trong Q2/2021.</p>
Giá vốn hàng bán	(50)	(233)	367%	(84)	(291)	247%	
Lợi nhuận gộp	5	265	5,283%	7	398	5,352%	
Biên LNG	9%	53%		8%	58%		
DT tài chính	1	3	126%	1	3	128%	
Chi phí tài chính	(2)	(110)	5,316%	(3)	(110)	3,912%	
- Chi phí lãi vay	(0)	(110)	35,314%	(1)	(110)	17,318%	
Lãi/(Lỗ) từ LDLK	1	-	-100%	1	-	-100%	
Chi phí SG&A	(7)	(9)	24%	(10)	(14)	38%	
LN thuần từ HĐKD	(2)	150	7,582%	(4)	277	7,760%	
Lãi/(Lỗ) khác	(0.1)	(0.0)	-97%	0.4	(0.0)	-101%	
LNTT	(2)	150	7,158%	(3)	277	8,786%	
Chi phí thuế TNDN	-	(15)	N/A	-	(40.1)	N/A	
LNST	(2)	135	6,467%	(3)	237	7,528%	
Lợi ích của CĐTS	-	-	N/A	-	-	N/A	
LNST - CTM	(2)	135	6,467%	(3)	237	7,528%	
EPS		542			972		

Nguồn: VSH, BSC Research

TRIỂN VỌNG KINH DOANH NĂM 2021-2022

Triển vọng KQKD của VSH thuận lợi nhờ tình hình thủy văn ổn định đến giữa năm 2022.

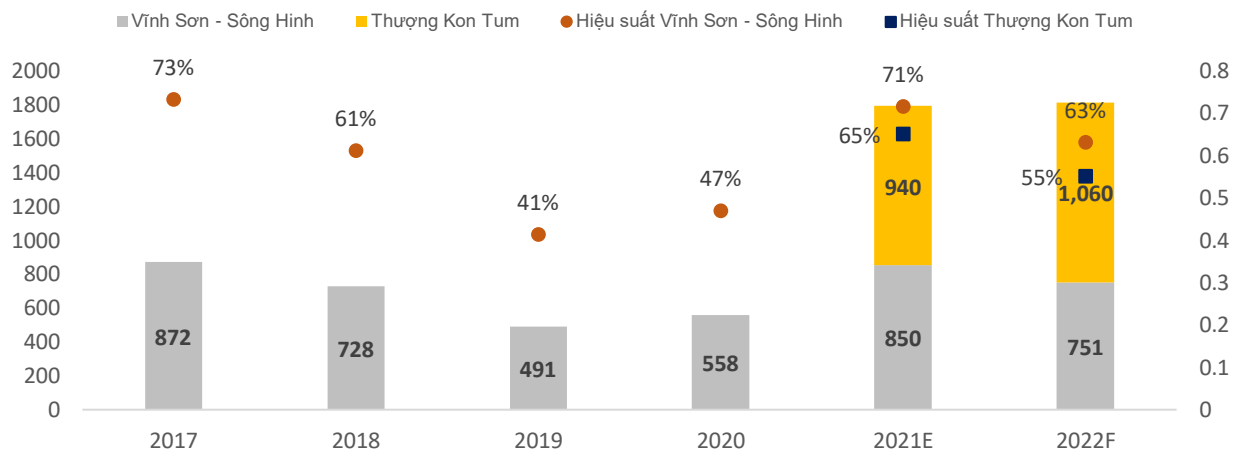
Hiện tượng La Nina duy trì ảnh hưởng đến 1H2022, giúp sản lượng điện của VSH được huy động ở mức công suất cao. Theo dự báo của ĐH Columbia, hiện tượng La Nina sẽ kéo dài đến nửa đầu năm 2022. BSC cho rằng điều này giúp cho tình hình thủy văn tốt hơn, qua đó các nhà máy thủy điện (trong đó có VSH) sẽ được EVN tăng cường huy động nhiều hơn trong thời gian tới (chi tiết xem [Báo cáo phân tích ngành](#)).

Giá bán điện trên thị trường điện cạnh tranh (CGM) tiếp tục ở mức thấp, giúp VSH có lợi thế cạnh tranh với các nguồn điện khác. Giá điện CGM trung bình trong Q1/2021 ở mức 1,100 VNĐ/kWh, cao hơn khoảng 38% so với thời điểm cuối Q4/2020. Trong các năm diễn ra La Nina, giá CGM thường có xu hướng tạo đỉnh vào quý 1 do đây là mùa khô và giảm dần trong các quý còn lại khi mùa mưa diễn ra. Do đó, BSC cho rằng nhóm thủy điện (trong đó có VSH) được hưởng lợi từ giá bán điện CGM thấp trong năm 2021 nhờ lợi thế giá bán rẻ hơn so với các nhóm điện khác.

Thủy điện Thượng Kon Tum là nguồn đóng góp rất quan trọng với kết quả kinh doanh của VSH.

Sản lượng điện năm 2021 của VSH có thể đạt mức tăng trưởng 208% yoy nhờ nhà máy Thượng Kon Tum đóng điện từ đầu Q2/2021. Dự án Thượng Kon Tum là thủy điện có hồ chứa nằm trên sông Đăk Snghe với 2 tổ máy có công suất 220 MW và sản lượng trung bình hàng năm khoảng 1 tỷ kWh. Trong Q2/2021, Thượng Kon Tum đã đóng góp khoảng 330 triệu kWh. Trong 2H2021, chúng tôi cho rằng Thượng Kon Tum tiếp tục được huy động với công suất cao do đã tích đủ nước kể từ cuối năm 2020 và tình hình thủy văn thuận lợi. Do đó, BSC cho rằng sản lượng trong 2H2021 của Thượng Kon Tum có thể đạt mức 537 triệu kWh, giúp cho sản lượng điện năm 2021 (9 tháng) của Thượng Kon Tum đạt mức 870 triệu kWh. Nhờ đó, tổng sản lượng của VSH trong năm 2021 có thể đạt mức 1.75 tỷ kWh (+213% yoy).

Hình 1: Thượng Kon Tum đi vào vận hành giúp sản lượng điện của VSH tăng khoảng 2.5 lần so với trước năm 2021



Nguồn: VSH, BSC Research

Trong năm 2022, BSC cho rằng sản lượng điện Thượng Kon Tum sẽ tăng khoảng 20% yoy do (i) tình hình thủy văn tiếp tục ổn định trong nửa đầu 2022 và (ii) nhà máy Thượng Kon Tum hoạt động cả năm so với 9 tháng năm 2021. Do đó, sản lượng điện của Thượng Kon Tum được dự báo đạt mức 1.04 tỷ kWh (+20% yoy), nâng tổng sản lượng của VSH lên mức 1.85 tỷ kWh (+6% yoy).

Nếu đàm phán giá bán điện PPA thành công, điều này sẽ trở thành cú hích lớn đối với KQKD của VSH. Hiện tại, thủy điện Thượng Kon Tum đang vận hành với giá bán điện PPA tạm tính ở mức 914 VNĐ/kWh. REE – công ty mẹ của VSH – đang đàm phán giá bán điện PPA của Thượng Kon Tum với EVN cho các năm kế

tiếp với mong muốn sử dụng profile 1.2, tương đương với mức 1,097 VNĐ/kWh (+20% so với giá PPA hiện tại) để tận dụng thời gian thủy điện được ưu tiên huy động. Điều này cũng có ý nghĩa quan trọng đến KQKD của REE do BCTC của VSH được hợp nhất vào BCTC của REE, do đó BSC cho rằng REE sẽ tận dụng mọi nguồn lực nhằm sớm đạt được kết quả tốt nhất cho Thượng Kon Tum.

Bảng 2: Doanh thu và LNST năm 2022 của dự án Thượng Kon Tum với các giả định đàm phán giá điện PPA

Đơn vị: tỷ VNĐ	TH đàm phán thành công	TH đàm phán không thành công
Giá bán điện PPA (VNĐ/kWh)	1316	1097
Sản lượng Thượng Kon Tum (tỷ kWh)	1.04	1.04
Doanh thu năm 2022 - Dự án TKT	1,369	1,141
LNST năm 2022 - Dự án TKT	90	(63)

Nguồn: VSH, BSC Research

Trong trường hợp đàm phán thành công, chúng tôi ước tính doanh thu và LNST trong năm 2022 của dự án Thượng Kon Tum có thể đạt mức 1,091 tỷ VNĐ (+37% yoy) và 49 tỷ VNĐ (+199% yoy) với sản lượng dự kiến ở mức 1.04 tỷ kWh. Doanh thu và LNST năm 2022 của VSH **nhờ đó cũng tăng lên mức 1,813 tỷ VNĐ (+16% yoy) và 420 tỷ VNĐ (+11% yoy).**

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2021

Năm 2021, BSC dự báo VSH đạt **DTT = 1,563 tỷ VNĐ (+359% yoy)** và **LNST = 379 tỷ VNĐ (+101% yoy)**, tương đương với **EPS = 1,603 VNĐ/CP** dựa trên các giả định sau:

- **Sản lượng điện sản xuất năm 2021 có thể đạt 1.75 tỷ kWh (+213% yoy)**, trong đó Thượng Kon Tum đóng góp 870 triệu kWh (chiếm 51% tổng sản lượng).
- Giá bán điện hợp đồng trong năm 2021 của nhà máy Thượng Kon Tum ước tính ở mức **914 VNĐ/kWh**.

Năm 2022

Năm 2022, BSC dự báo VSH đạt **DTT = 1,813 tỷ VNĐ (+17% yoy)** và **LNST = 420 tỷ VNĐ (+11% yoy)**, tương đương với **EPS = 1,777 VNĐ/CP** dựa trên các giả định sau:

- **Sản lượng điện sản xuất năm 2022 có thể đạt 1.85 tỷ kWh (+6% yoy)**, trong đó nhà máy Thượng Kon Tum đóng góp khoảng 1.04 tỷ kWh (+20% yoy) nhờ tình hình thủy văn vẫn diễn biến thuận lợi trong 1H2022.
- Giá bán điện PPA trong năm 2022 của Thượng Kon Tum **có thể đạt 1,097 VNĐ/kWh (+20% yoy)** nhờ đàm phán thành công giá bán điện với EVN.

Bảng 3: Dự phóng KQKD của VSH năm 2021-2022

	2020	2021F	2022F
Doanh thu	341	1,563	1,813
Vĩnh Sơn - Sông Hình	341	769	722
Thượng Kon Tum	-	794	1,091
Lợi nhuận gộp	137	820	905
Biên LNG	40%	52%	50%
Chi phí bán hàng & QLDN	(23)	(34)	(41)
Doanh thu tài chính	127	27	31
Chi phí tài chính	(1)	(340)	(369)
Lãi/lỗ khác	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	236	474	525
Lợi nhuận sau thuế	188	379	420
EPS	797	1,603	1,777

Nguồn: VSH, BSC Research

ĐỊNH GIÁ

BSC khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu VSH với **giá trị hợp lý năm 2022 là 35,000 VNĐ/cp**, tương đương với **upside 26.6%** so với giá đóng cửa ngày 30/09/2021 là 27,700 VNĐ/cp). Chúng tôi sử dụng phương pháp định giá EV/EBITDA với tỷ suất trung bình ngành các doanh nghiệp thủy điện cùng ngành là 9.0x.

Bảng 2: Tổng hợp định giá

Đơn vị: Triệu VNĐ	GIÁ TRỊ
EBITDA 2022F	1,450,182
EV/EBITDA mục tiêu	9.0
Giá trị doanh nghiệp	13,051,636
(+) Tiền & tương đương tiền	204,691
(-) Vay nợ	4,978,783
Giá trị VCSH	8,277,545
SLCP đang lưu hành (triệu)	236
Giá trị hợp lý (VNĐ/CP)	35,045

PHỤ LỤC

KQKD (Tỷ VNĐ)	2019	2020	2021F	2022F		2019	2020	2021F	2022F
Doanh thu thuần	400	341	1,563	1,813	(Lỗ)/LNST	159	188	379	420
Giá vốn hàng bán	(203)	(204)	(743)	(908)	Khấu hao và phân bổ	437	555	556	555
Lợi nhuận gộp	197	137	820	905	Thay đổi vốn lưu động	(68)	171	(50)	(170)
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	Điều chỉnh khác	(340)	(545)	(107)	0
Chi phí QLDN	(23)	(23)	(34)	(41)	LCTT từ HĐKD	189	369	777	805
Lãi/lỗ HĐKD	178	236	474	525	Tiền chi mua TSCĐ	(1,043)	(823)	(9,429)	(25)
Doanh thu tài chính	7	127	27	31	Đầu tư khác	51	14	8,791	-
Chi phí tài chính	(5)	(6)	(340)	(369)	LCTT từ HĐ Đầu tư	(992)	(809)	(637)	(25)
Chi phí lãi vay	(1)	(1)	(340)	(369)	Tiền chi trả cổ tức	-	-	-	(236)
Lợi nhuận từ CTLD/LK	1	1	-	-	Tiền thu khác	717	383	(95)	(394)
Lãi/lỗ khác	0	(0)	-	-	LCTT từ HĐ Tài chính	717	383	(95)	(630)
Lợi nhuận trước thuế	178	236	474	525	Dòng tiền đầu kỳ	157	71	15	59
Thuế thu nhập DN	(19)	(47)	(95)	(106)	Tiền trong kì	(86)	(56)	44	150
LN sau thuế	159	188	379	420	Dòng tiền cuối kỳ	71	15	59	209
CĐTS	-	-	-	-					
LNST - CĐTS	159	188	379	420					
EBITDA	256	196	1,224	1,419					
EPS	745	913	1,603	1,777					

CĐKT (Tỷ VNĐ)	2019	2020	2021F	2022F	Chỉ số (%)	2019	2020	2021F	2022F
Tiền & TĐT	71	15	59	209	Khả năng thanh toán				
Đầu tư ngắn hạn	35	35	35	35	Hố TT ngắn hạn	0.1	0.1	0.1	0.1
Phải thu ngắn hạn	218	211	293	405	Hố TT nhanh	0.1	0.0	0.1	0.1
Tồn kho	105	101	139	193	Cơ cấu vốn				
TS ngắn hạn khác	10	1	-	-	Hố Nợ/TTS	0.6	0.6	0.5	0.5
TS ngắn hạn	440	363	526	842	Hố Nợ/VCSH	1.7	1.7	1.4	1.2
TS hữu hình	3,091	3,120	12,548	12,573	Năng lực hoạt động				
Khấu hao	(2,526)	(2,610)	(3,047)	(3,603)	Số ngày HTK	311	184	59	67
TS dở dang dài hạn	8,021	8,791	-	-	Số ngày phải thu	250	230	59	70
ĐT dài hạn	12	-	-	-	Số ngày phải trả	365	577	144	134
TS dài hạn khác	11	12	12	13	CCC	196	(163)	(27)	3
TS dài hạn	8,609	9,314	9,513	8,984	Tỉ suất lợi nhuận				
Tổng Tài sản	9,049	9,676	10,039	9,826	Lợi nhuận gộp	49%	40%	52%	50%
Nợ phải trả	512	566	670	664	Lợi nhuận LNST	40%	55%	24%	23%
Vay ngắn hạn	414	772	733	696	ROE	5%	6%	10%	10%
Nợ ngắn hạn khác	17	13	22	25	ROA	2%	2%	4%	4%
Tổng Nợ ngắn hạn	5,900	6,346	6,064	5,668	Định Giá				
Vay dài hạn	4,957	4,996	4,639	4,282	PE	26.4	22.2	12.8	11.5
Nợ dài hạn khác	0	0	-	-	PB	1.3	1.2	1.2	1.2
Tổng Nợ dài hạn	4,957	4,996	4,639	4,282	Tăng trưởng				
Tổng Nợ	5,900	6,346	6,064	5,668	Tăng trưởng DTT	-29%	-15%	359%	16%
Vốn góp	2,062	2,062	2,362	2,362	Tăng trưởng EBIT	-48%	32%	243%	10%
Thặng dư vốn cổ phần	6	6	6	6	Tăng trưởng LNNT	-48%	32%	101%	11%
LN chưa phân phối	696	877	1,256	1,440	Tăng trưởng EPS	-48%	23%	101%	11%
Vốn chủ khác	384	384	356	356					
Cổ đông thiểu số	-	-	-	-					
Tổng Vốn chủ sở hữu	3,149	3,330	3,975	4,158					
Tổng nguồn vốn	9,049	9,676	10,039	9,826					
SLCP lưu hành	206	206	236	236					

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10&11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

